

KẾ HOẠCH

Về việc xây dựng tỉnh An Giang thành tỉnh giàu mạnh từ biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia

Căn cứ Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về “Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh”;

Căn cứ Chương trình hành động số 36/CTr-TU ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Chương trình hành động số 34-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh”;

Thực hiện Công văn số 2419-CV/ĐU ngày 11/9/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 218/NQ-CP ngày 07/8/2026 của Chính phủ và Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, cụ thể hoá đầy đủ và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được đề ra tại Nghị quyết số 218/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 36-CTr/TU, ngày 21/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh”.

2. Xác định nhiệm vụ, đề án, dự án... quan trọng, cấp thiết trong giai đoạn 2026 -2030, phân công rõ trách nhiệm (chủ trì, phối hợp), nguồn lực, tiến độ, kết quả để các sở ngành, địa phương tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh An Giang thành tỉnh giàu mạnh từ biển: hoàn thiện hạ tầng biển, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Thực hiện quản trị biển

hiện đại, thống nhất, đồng bộ; khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển; từng bước làm chủ biển xa, biển sâu và các không gian phát triển mới trên biển; bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển như: san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn... Kinh tế biển phát triển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh; tỷ trọng đóng góp của các địa phương có biển vào GRDP của tỉnh tăng cao. Đời sống Nhân dân vùng ven biển, hải đảo tiếp tục được cải thiện; văn hoá biển được gìn giữ và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững.

b) Mục tiêu cụ thể

Về kinh tế: thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt 1,2 - 1,3 lần bình quân cả nước. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tỉnh phần đầu đạt trên 11%. Triển khai các dự án điện gió theo quy hoạch. Phát triển các tuyến vận tải, đội tàu để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng vận tải quốc gia; hình thành các trung tâm logistics tại tỉnh. Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch bình quân đạt 10,3%, trong đó du lịch biển đảo chiếm 80%. Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 đạt khoảng 414.540 tấn, (trong đó, tôm nước lợ: 157.280 tấn, cua biển: 32.080 tấn, nuôi biển (nuôi nhuyễn thể, cá lồng bè): 207.180 tấn).

Về phát triển không gian biển, hạ tầng biển: đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển An Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia. Hoàn thành xây dựng các tuyến giao thông kết nối với các trục giao thông trọng điểm quốc gia và các tỉnh trong vùng. 100% đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu (Thổ Châu, Nam Du, Tiên Hải...) cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ.

Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: tiếp cận, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong các ngành kinh tế biển, trước mắt trong nuôi biển, khai thác hải sản, du lịch và dịch vụ biển, bảo tồn hệ sinh thái biển, rừng ngập mặn... Phối hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biển của tỉnh. Tỷ lệ số hoá, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển đạt 100% trong hệ thống quản lý nhà nước.

Về quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: phối hợp hoàn thành 100% phân vùng chức năng biển cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh. Điều chỉnh diện tích Khu bảo tồn biển Phú Quốc; thành lập mới các khu bảo tồn biển Thổ Châu, Nam Du - Hòn Sơn, Hải Tặc. 100% các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn. Tỷ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý đạt 100%. Tỷ lệ các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải đạt 100% .

Về văn hoá, xã hội: 100% di sản văn hoá biển của tỉnh được số hoá. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,75 trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 79%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt 35% (trong đó, tỉ lệ

lao động trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển đạt trên 45%). Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,54%; tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%. Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ 1Gb/s và phủ sóng 5G toàn tỉnh đạt 100%. Tỷ lệ bác sĩ và giường bệnh trên một vạn dân đạt 15 và 35. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 75,5. Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 80%, bảo đảm 100% trẻ em, học sinh tại vùng ven biển, hải đảo được tiếp cận giáo dục, học tập an toàn, liên tục và từng bước nâng cao chất lượng.

Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại: bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển. Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển. 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn; 100% địa phương có biển xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, sự cố tràn dầu, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống. Đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển được đẩy mạnh, vai trò của tỉnh trong các cơ chế hợp tác biển được phát huy.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

An Giang trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển, thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia; có nền quản trị biển hiện đại, khoa học, công nghệ biển tiên tiến. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân các địa phương có biển được nâng cao toàn diện; văn hoá biển được bảo tồn và phát huy. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển được giữ vững, vai trò của tỉnh trong hợp tác quốc tế, quản trị biển được nâng cao.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Các sở ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia

Tập trung thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương; đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu xây dựng, phát triển tỉnh An Giang giàu mạnh từ biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận, phù hợp với địa phương có biển và địa phương không có biển, gắn với nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

Chuyển mạnh sang tư duy phát triển quốc gia hướng biển, phát triển không gian biển quốc gia và từng bước đẩy mạnh các hoạt động kinh tế biển ra vùng biển xa, biển sâu, vùng biển quốc tế; phát huy vai trò trong các cơ chế hợp tác, quản trị biển và đại dương; kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề quốc tế, khu vực liên quan đến biển, đảo.

Phối hợp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách về biển; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, tránh sự chồng chéo, tranh chấp trên biển; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong xây dựng và phát triển tỉnh An Giang giàu mạnh từ biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia.

Nâng cao hiệu quả phối hợp; chia sẻ dữ liệu, kết nối thông tin giữa các sở ngành, lực lượng thực thi pháp luật trên biển và UBND cấp xã nơi có biển; tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng trong việc quản trị biển hiện đại, tổng hợp, thống nhất trên cơ sở dữ liệu số, quy hoạch không gian biển quốc gia.

Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài nguyên, không gian biển, bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường, ứng phó sự cố tràn dầu ở các địa phương có biển. Tăng cường xử lý vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, không gian biển; trong khai thác thủy sản trái quy định, kê cả trên biển và nội đồng (như xung điện, mắc lưới sai quy định...); trong chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu cả ở địa phương có biển và không có biển.

Hàng năm, đánh giá kết quả quản trị biển và hải đảo theo quy định.

2. Tích cực tham gia hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển tỉnh mạnh về biển

Rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan như đất đai, môi trường, khoa học, công nghệ, các lĩnh vực biển, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, ổn định, khả thi, có tính cạnh tranh cao. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế biển, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực biển mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật về biển, gắn trách nhiệm của cơ quan thực thi với kết quả thực hiện.

Rà soát, đề xuất hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi), bảo đảm quy định rõ cơ chế giao, cho thuê, sử dụng, khai thác không gian biển; nghĩa vụ tài chính; bảo vệ tài nguyên, môi trường; phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và xử lý xung đột trong sử dụng biển.

Rà soát, đề xuất cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế biển có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, nuôi trồng hải sản, phát triển đô thị...; xây dựng bản đồ số và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án... của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã cho phù hợp yêu

cầu phát triển bền vững kinh tế biển (gồm cả lĩnh vực kinh tế lẫn xã hội) và yêu cầu phát triển tỉnh An Giang thành tỉnh giàu mạnh từ biển. Hoàn thành nhiệm vụ lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo và Chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ, tổ chức thực hiện và đánh giá, cập nhật... theo quy định.

Triển khai thực hiện các dự án lấn biển trên cơ sở quy hoạch, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng, đề xuất xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu và địa bàn chiến lược; cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật cho kinh tế biển, ven biển.

3. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn

Thực hiện có hiệu quả Chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; rà soát, bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư tại các vùng ven biển và hải đảo.

Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển tỉnh mạnh về biển; khuyến khích, ưu tiên các hoạt động kinh tế xanh, tuần hoàn, phát thải thấp; ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực, địa bàn và dự án hạ tầng trọng điểm có sức lan toả lớn; tháo gỡ các điểm nghẽn về tín dụng, tài nguyên (nhất là đất đai), không gian biển và các nguồn lực khác.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp các luồng hàng hải; hệ thống đê chắn sóng, kè chính trị tại một số cửa biển; xây dựng, nâng cấp các tuyến giao thông, kết nối liên thông các cảng biển với các địa phương hướng đến phục vụ nhu cầu giao thương trong tỉnh, trong nước và quốc tế; đầu tư hạ tầng các cảng biển, bến neo đậu, cầu cảng ở các địa phương có biển (Rạch Giá, Hà Tiên, Hòn Đất, Kiên Lương, Tân Thạnh, Phú Quốc, Thổ Châu, Kiên hải...) để tăng cường khả năng tiếp cận điểm đến từ biển. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng đồng bộ, hiện đại đặc biệt về y tế, giáo dục, năng lượng, nước sạch, thông tin liên lạc... cho các đảo xa, đảo tiền tiêu, đảo có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Xúc tiến, kêu gọi, thu hút đầu tư, thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để phát triển hạ tầng kinh tế biển, nhất là hạ tầng đô thị ven biển, giao thông, cảng biển, đê kè ven biển; hạ tầng nuôi trồng thủy hải sản, hậu cần nghề cá; hạ tầng kỹ thuật các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven biển.

Tích cực phối hợp phát triển các khu kinh tế quốc phòng trên biển và ven biển. Huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ

trong phát triển kinh tế biển nhất là các ngành có thế mạnh, tiềm năng của tỉnh như nuôi trồng và khai thác hải sản, du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải...

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... tham gia đầu tư vào các lĩnh vực biển quan trọng như kinh tế hàng hải, logistics, năng lượng tái tạo, đóng và sửa chữa tàu thuyền, chế biến thủy sản, nuôi biển công nghệ cao... Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, hình thành chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị biển có năng lực tham gia thị trường khu vực và quốc tế.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về biển; đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng về khoa học, công nghệ trong các ngành kinh tế biển, nhất là các ngành có tiềm năng, thế mạnh như du lịch và dịch vụ biển, nuôi trồng và khai thác hải sản, kinh tế hàng hải, phát triển đô thị biển... Xây dựng, tích hợp và khai thác hiệu quả dữ liệu tài nguyên biển, bản đồ số biển của tỉnh; phát triển hệ thống quan trắc, giám sát biển thông minh; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản trị biển.

Rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng nguồn nhân lực về biển trong cơ quan quản lý nhà nước và các ngành kinh tế biển; xác định nhu cầu, mục tiêu và lộ trình đào tạo, phát triển đến năm 2045. Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm số lượng, chất lượng cho cơ quan quản lý nhà nước về biển đảo và các địa phương có biển theo hướng ưu tiên đào tạo chuyên môn sâu về biển và đại dương, khoa học và công nghệ biển, quản trị biển hiện đại.

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành kinh tế biển mới

Rà soát quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án... phát triển của các ngành xây dựng, công thương, du lịch, nông nghiệp và môi trường để hình thành hệ sinh thái kinh tế biển hiện đại; ưu tiên các dự án, mô hình sản xuất, kinh doanh và dịch vụ biển thông minh, phát thải thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và năng lượng.

Quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững, nhất là vật liệu san lấp từ biển. Đẩy mạnh điều tra cơ bản, khai thác tài nguyên biển bằng công nghệ tiên tiến; nâng cao hệ số thu hồi, khai thác tận thu tài nguyên khoáng sản biển.

Phát triển kinh tế hàng hải trở thành trụ cột quan trọng của kinh tế biển, tạo tiền đề để An Giang trở thành tỉnh mạnh về hàng hải. Rà soát, điều chỉnh, tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống cảng, bến tỉnh; xây dựng, hoàn thiện hệ thống luồng, cảng, bến theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, gắn kết đồng bộ với hệ thống đường bộ, đường thủy, đường hàng không; triển khai thực hiện Chương trình

quốc gia về công nghiệp hàng hải và cơ khí biển. Phát triển tuyến giao thông liên kết các đảo và đất liền, đội tàu vận tải hàng hoá và hành khách, cơ sở đóng và sửa chữa tàu biển, dịch vụ logistics hàng hải để đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá, thúc đẩy hoạt động trung chuyển, xuất nhập khẩu hàng hoá... và các nhu cầu sản xuất, kinh doanh khác. Phát triển đặc khu Phú Quốc, đặc khu Thổ Châu thành trung tâm hàng hải và thương mại quốc tế.

Phát triển thêm các tuyến vận tải hành khách ven biển, hải đảo phục vụ hoạt động du lịch; đồng thời, nghiên cứu mở hướng phát triển vận tải biển sang Campuchia, Thái Lan, Malaysia, trong đó, ưu tiên tuyến vận tải ven biển kết nối Phú Quốc, Hà Tiên (Kiên Giang) với Campuchia và Thái Lan để kết nối tuyến du lịch hành lang ven biển phía Nam (tuyến du lịch R.10).

Cơ cấu lại ngành thủy sản, giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ và tập trung phát triển nuôi biển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, ưu tiên nuôi biển xa bờ. Quy hoạch vùng nuôi trồng hải sản trên biển và vùng bờ cho cả nhu cầu nuôi công nghiệp quy mô lớn và nuôi truyền thống nhỏ lẻ (đáp ứng nhu cầu của người dân sống ven đảo, chuyển đổi nghề...), ưu tiên vùng nuôi chuyên canh cho các loài hải sản chủ lực, có giá trị cao như tôm sú, cá bớp, cá chẽm... đầu tư, nâng cấp hạ tầng cảng cá, hệ thống bảo quản, chế biến và hoàn thiện chính sách đối với ngư dân để thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm. Tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản; từng bước tự chủ nguồn giống phục vụ nuôi trồng thủy sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản và chế biến thủy sản. Ưu tiên nuôi biển xa bờ, nuôi biển công nghiệp, công nghệ cao; phát triển các cụm công nghiệp nuôi biển; phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi từ sản xuất giống, thức ăn, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ; khuyến khích phát triển nghề cá giải trí, các mô hình nuôi trồng thủy sản thông minh có ứng dụng công nghệ số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và năng lượng tái tạo. Hiện đại hoá đội tàu, giảm khai thác ven bờ, đẩy mạnh khai thác xa bờ và nuôi biển công nghiệp công nghệ cao, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); xác định lộ trình và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm sớm gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC), nâng cao hiệu lực quản lý nghề cá, kiểm soát hoạt động khai thác hải sản, truy xuất nguồn gốc và thực thi pháp luật trên biển.

Phát triển du lịch và dịch vụ biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu và sức cạnh tranh quốc tế, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá biển đảo (lễ hội truyền thống, làng nghề, làng chài...). Phát triển các trung tâm, cụm du lịch biển quy mô lớn ở một số địa phương có biển như Hà Tiên, Kiên Lương, Kiên Hải, Phú Quốc...; đa dạng sản phẩm du lịch chất lượng cao, có bản sắc, ưu tiên phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tàu biển, sinh thái, thể thao, chăm sóc sức khỏe, du lịch cộng đồng, du lịch di sản, kinh tế đêm và lễ hội biển... Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch

đồng bộ, hiện đại; tăng cường liên kết các không gian du lịch ven biển, biển, đảo, đất liền. Phát triển Phú Quốc thành trung tâm du lịch mang tầm quốc tế.

Thu hút, khuyến khích các dự án đầu tư phát triển điện gió, điện mặt trời trên biển; các ngành, lĩnh vực biển mới như nuôi biển công nghệ cao, y - dược biển, công nghệ sinh học biển, khử mặn nước biển, điện sóng, hi-đrô-gien, a-mô-ni-ắc xanh và hạ tầng cấp ngầm biển.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển; phát huy các vùng động lực tăng trưởng

Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống hạ tầng biển, ven biển, hải đảo và hạ tầng kết nối, đặc biệt với hạ tầng giao thông; mở rộng không gian phát triển ra vùng biển xa, biển sâu và các không gian kinh tế biển mới. Hình thành, phát huy các cực tăng trưởng, hành lang và các vùng động lực có năng lực cạnh tranh cao ở các địa phương có biển như Phú Quốc, Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Hải..., gắn kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị trong và ngoài tỉnh.

Tích hợp mục tiêu phát triển quốc gia biển mạnh vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển; bảo đảm liên kết vùng, liên kết đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics - năng lượng.

Đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu kinh tế tự do và các khu, cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển...; thu hút đầu tư có chọn lọc vào các lĩnh vực giá trị gia tăng cao; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng và vận hành hạ tầng năng lượng, điện lực ở vùng ven biển, hải đảo.

Phát triển hệ thống đô thị biển hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế tại Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên, Kiên Lương, Hòn Tre...

Ưu tiên đầu tư kiên cố hóa, nâng cấp hạ tầng thiết yếu tại các đảo quan trọng, vùng ven biển, nhất là hạ tầng điện, nước, viễn thông, văn hoá, y tế, giáo dục, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo

Triển khai các chương trình, kế hoạch bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi nguồn lợi thủy sản, thành lập mới và quản lý hiệu quả khu bảo tồn biển; bảo vệ rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, bãi triều và các hệ sinh thái đặc thù.

Kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ đất liền, ven biển, hải đảo và hoạt động trên biển; tăng cường thu gom, phân loại, tái chế, xử lý rác thải nhựa ven biển, rác thải nhựa đại dương và chất thải phát sinh từ hoạt động kinh tế biển.

Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, môi trường biển, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và các rủi ro sinh thái; xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường biển phục vụ chỉ đạo, điều hành, phòng chống thiên tai và ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu.

Rà soát nguy cơ tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với đô thị, hạ tầng, khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển; xây dựng, nâng cấp, sửa chữa công trình bảo vệ bờ biển, đê biển, phục hồi vành đai sinh thái chắn sóng, chắn gió.

Huy động doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và tổ chức xã hội tham gia bảo vệ, phục hồi, quản lý khu bảo tồn biển và hệ sinh thái biển gắn với sinh kế bền vững và phát triển kinh tế biển xanh.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Triển khai thực hiện Đề án Phát triển văn hóa biển Việt Nam; số hóa di sản văn hóa biển; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, di sản biển, đảo; xây dựng sản phẩm, không gian văn hóa biển như các công viên biển, quảng trường biển, vườn sinh thái biển..., gắn với phát triển du lịch và giáo dục cộng đồng.

Triển khai hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án... phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân ở các địa phương ven biển, hải đảo; ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu, dịch vụ y tế, văn hoá, giáo dục, điện, nước sạch, internet băng rộng; xây dựng chương trình hỗ trợ ngư dân, cư dân vùng biển, hải đảo chuyển đổi nghề, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm.... Đẩy mạnh đào tạo nghề, giải quyết việc làm, tạo điều kiện sinh kế bền vững cho người dân; tăng cường đào tạo con người cho các cơ sở y tế, giáo dục; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chất lượng dạy và học ở các địa phương có biển.

Củng cố thể trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển trong bảo vệ chủ quyền, an ninh, an toàn trên biển và tham gia phát triển bền vững kinh tế biển.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế

Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển; bảo đảm an toàn, đúng quy định của pháp luật đối với hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên biển. Tiếp tục triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Bảo đảm an toàn cho các công trình trọng yếu về cảng biển, năng lượng ngoài khơi, hạ tầng số biển và các công trình kinh tế

biển quan trọng; nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố môi trường, tràn dầu; bảo đảm an ninh hàng hải...

Củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo; phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực; hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển của Tổ quốc.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về biển và hải đảo; giải quyết kịp thời tranh chấp, mâu thuẫn, bảo đảm an ninh, an toàn trên vùng biển của tỉnh...; bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của quốc gia.

Tích cực hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học biển, điều tra cơ bản, bảo vệ môi trường biển, ứng phó biến đổi khí hậu, đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và phát triển các ngành kinh tế biển mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và Kế hoạch này, các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch thực hiện; phân công nhiệm vụ cụ thể, xác định rõ sản phẩm, tiến độ và nguồn lực thực hiện.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổng hợp nhu cầu, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí nguồn lực thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Sở Văn hoá - Thể thao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thông tin, truyền thông về kết quả triển khai Kế hoạch; tạo đồng thuận xã hội, huy động sự tham gia của doanh nghiệp, người dân và cộng đồng vùng biển, đảo.

4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và kiến nghị các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch, các Sở ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có biên thực hiện rà soát các nội dung, giải pháp, đề án, dự án, nhiệm vụ... đã được giao tại Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (cũ) về việc phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045:

- Đối với các đề án, dự án, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo Kế hoạch số 111/KH-UBND nhưng có nội dung liên quan trực tiếp đến các mục tiêu, nhiệm

vụ, giải pháp của Kế hoạch này: tiếp tục triển khai thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đã được duyệt; đồng thời chủ động rà soát, cập nhật, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo Kế hoạch này. Trường hợp cần điều chỉnh mục tiêu, nội dung, quy mô, kinh phí hoặc thời gian thực hiện, cơ quan chủ trì đề án, dự án... tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Đối với các nhiệm vụ, đề án thuộc Kế hoạch số 111/KH-UBND chưa triển khai hoặc đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư, phê duyệt: cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu với nội dung Kế hoạch này. Nếu nội dung vẫn phù hợp, tiếp tục hoàn thiện thủ tục để triển khai, trong đó lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch này. Trường hợp nội dung không còn phù hợp với Kế hoạch này thì cơ quan chủ trì chủ động dừng thực hiện mà không phải đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho dừng thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các Sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /*ly*

Nơi nhận: *goc*

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- CT và các PCT.UBND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, P. KT;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, bntruong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Công Thúc

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
*(Kèm theo Kế hoạch số 579 /KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
1	Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh	đạt 1,2 - 1,3 lần bình quân cả nước	Sở Tài chính; UBND cấp xã
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân tỉnh	Trên 11%	Sở Tài chính; UBND cấp xã
3	Triển khai các dự án điện gió	Theo Quy hoạch	Sở Công Thương
5	Phát triển các tuyến vận tải, đội tàu để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh		Sở Xây dựng
6	Hình thành các trung tâm logistics của tỉnh		Sở Xây dựng; Sở Công Thương
8	Tốc độ tăng trưởng tổng thu du lịch bình quân	đạt 10,3%, trong đó du lịch biển đảo chiếm 80%.	Sở Du lịch
9	Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản	414.540 tấn, (trong đó, tôm nước lợ: 157.280 tấn, cua biển: 32.080 tấn, nuôi biển (nhuyễn thể, cá lồng bè): 207.180 tấn).	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Hoàn thành xây dựng các tuyến giao thông kết nối với các trục giao thông trọng điểm quốc gia và các tỉnh trong vùng		Sở Xây dựng

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
14	Các đảo có vị trí chiến lược, trọng yếu (Thổ Châu, Nam Du, Tiên Hải...) cơ bản được đầu tư hạ tầng thiết yếu đồng bộ		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo
15	Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến trong các ngành kinh tế biển, trước mắt trong nuôi biển, khai thác hải sản, du lịch và dịch vụ biển, bảo tồn hệ sinh thái biển, rừng ngập mặn...		Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Du lịch
17	Phối hợp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về biển của tỉnh.		Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Tỷ lệ số hóa, tích hợp và chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường, hạ tầng và hoạt động kinh tế biển trong hệ thống quản lý nhà nước.	100%	Công an tỉnh
19	Phối hợp hoàn thành phân vùng chức năng không gian biển cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương trong tỉnh		Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Điều chỉnh diện tích Khu bảo tồn biển Phú Quốc; thành lập mới các khu bảo tồn biển Thổ Châu, Nam Du - Hòn Sơn, Hải Tặc		Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Tỷ lệ các khu công nghiệp, khu đô thị và cụm công nghiệp - dịch vụ - đô thị biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn.	100%	Sở Xây dựng; UBND cấp xã có biển
23	Tỷ lệ chất thải nhựa ven biển được thu gom, xử lý	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã có biển

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
24	Tỷ lệ các đảo trọng yếu, dân sinh có hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải	100%	Sở Xây dựng; UBND cấp xã có biển
25	Tỷ lệ di sản văn hóa biển của tỉnh được số hóa.	100%	Sở Văn hóa, Thể thao
26	Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh	0,75 trở lên	Sở Tài chính; UBND cấp xã
27	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ và kỹ năng trong các ngành, nghề, lĩnh vực biển	Trên 45%	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ
28	Tỷ lệ hộ sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,54%	99,54%	Sở Công Thương
29	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	100%.	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ 1Gb/s và phủ sóng 5G toàn tỉnh	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
31	Tỷ lệ bác sĩ và giường bệnh trên một vạn dân	15 và 35	Sở Y tế
32	Tuổi thọ trung bình của người dân	75,5	Sở Y tế
33	Tỷ lệ trường học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	80%,	Sở Giáo dục và Đào tạo
34	Tỷ lệ trẻ em, học sinh tại vùng ven biển, hải đảo được tiếp cận giáo dục, học tập an toàn, liên tục và từng bước nâng cao chất lượng	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp xã có biển
35	Bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển.	Thường xuyên, liên tục	BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Du lịch

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan chủ trì
36	Bảo đảm an ninh toàn diện cho Nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển.	Thường xuyên, liên tục	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh
37	Các công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng được bảo đảm an ninh, an toàn	100%	Công an tỉnh; BCH Quân sự tỉnh
38	Xây dựng và triển khai phương án ứng phó sự cố môi trường biển, sự cố tràn dầu, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống (của tỉnh và của UBND cấp xã có biển)	100%	BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã có biển

Phụ lục II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN,
DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG

(Kèm theo Kế hoạch số 579 /KH-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
I. Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển quốc gia biển mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển quốc gia				
1	Tập trung thực hiện Chương trình truyền thông về biển và đại dương; đẩy mạnh truyền truyền mục tiêu xây dựng, phát triển tỉnh An Giang giàu mạnh từ biển, trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa và Thể thao	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ; các sở ngành liên quan; UBND cấp xã có biển	Kế hoạch UBND tỉnh và triển khai; báo cáo kết quả hằng năm (Thời hạn: 2026 - 2030)
2	Phối hợp, tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, nhất là cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo tham gia giám sát, phản biện xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách về biển; huy động sự tham gia của toàn xã hội trong xây dựng và phát triển An Giang trở thành tỉnh mạnh về biển.	Sở Nội vụ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Báo cáo kết quả (Thời hạn: 2026)
II. Hoàn thiện thể chế, đổi mới công tác quy hoạch không gian biển quốc gia, tạo đột phá phát triển quốc gia biển mạnh				
1	Rà soát, đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo và các lĩnh vực liên quan.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành có liên quan và UBND		Văn bản tham mưu ban hành hoặc kiến nghị

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
		các xã, phường, đặc khu ven biển		cấp có thẩm quyền
2	Tham gia rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tư pháp; các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Văn bản UBND tỉnh gửi Chính phủ, Bộ, ngành (Thời hạn: 2026)
3	Rà soát, đề xuất cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Du lịch, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các Sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Hồ sơ đề xuất điều chỉnh quy hoạch trình cấp có thẩm quyền (Thời hạn: 2026 - 2027)
4	Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển cho các đặc khu, đảo tiền tiêu.	Sở Tài chính	BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Cơ chế, chính sách đặc thù được trình cấp có thẩm quyền và tổ chức thực hiện (Thời hạn: 2026 - 2030)
III. Huy động, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển mạnh doanh nghiệp biển, nhất là các tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn				
1	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển tỉnh mạnh từ biển.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Ban hành Nghị quyết/Quyết định/hướng dẫn; báo cáo kết quả

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
2	Kế hoạch xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư vào các danh mục dự án đầu tư ven biển, hải đảo	Trung tâm Xúc tiến, Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Kế hoạch được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện (Thời hạn: 2026)
3	Triển khai Đề án kết hợp kinh tế quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trên biển, đảo	BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành
4	Triển khai Đề án hợp tác về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành

IV. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao

1	Triển khai Đề án đưa các nội dung giáo dục về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào chương trình các cấp học và trình độ đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành
2	Triển khai Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về biển, hải đảo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành
3	Triển khai Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
4	Triển khai Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực các trình độ giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là đào tạo nghề trình độ cao và đào tạo chuyển đổi nghề cho nhân dân vùng ven biển phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Triển khai sau khi Chính phủ ban hành
5	Dự án lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo để phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển bền vững kinh tế biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hoàn thành năm 2027
6	Dự án thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hoàn thành năm 2027
7	Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh An Giang	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hoàn thành năm 2026
V. Phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các ngành kinh tế biển mới				
1	Quy hoạch chung đô thị Kiên Lương, đô thị Châu Thành, đô thị An Biên, đô thị An Minh, đô thị Kiên Hải	Sở Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	Đồ án được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện (Thời hạn: 2026 - 2030)
2	Lập Quy hoạch Khu công nghiệp Tắc Cậu, Kiên Lương II	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Đồ án được trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện (Thời hạn: 2026 - 2030)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
3	Phát triển đội tàu vận tải biển hiện đại và dịch vụ logistics hàng hải	Sở Xây dựng; Sở Công Thương	Sở Tài chính; các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phát triển đội tàu biển và logistics hàng hải (Thời hạn: 2026 - 2030)
4	Triển khai thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo trên các vùng biển, vùng bờ và hải đảo	Sở Công Thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Cơ chế, chính sách, chương trình/dự án phát triển ngành điện gió, điện mặt trời và các loại hình năng lượng khác (Thời hạn: 2026 - 2030)
5	Triển khai Kế hoạch thực hiện "Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh An Giang, giai đoạn 2026-2030"	Sở Công Thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Kế hoạch và triển khai được cấp có thẩm quyền duyệt (Thời hạn: 2026 - 2030)
6	Cấp điện nông thôn, nước, internet băng rộng, dịch vụ y tế và hải đảo tỉnh An Giang	Sở Công Thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Trình Thủ tướng Chính phủ năm 2026
7	Theo dõi, hỗ trợ phát triển chuỗi dự án khí Lô B - Ô Môn tại tỉnh Kiên Giang	Sở Công Thương	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu	Hoàn thành giai đoạn năm 2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
VI. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển quốc gia, hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia và khu vực				
1	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Lộc giai đoạn 2, Thuận Yên, Xẻo Rô và Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
2	Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tắc Cậu, Kiên Lương II	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
3	Nghiên cứu xây dựng 01 trung tâm logistics tại tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
VII. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng chống chịu của các địa phương ven biển, hải đảo				
1	Dự án thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Hoàn thành và triển khai (Giai đoạn 2026 - 2030)
2	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị các công trình văn hóa, di tích lịch sử, di sản thiên nhiên, văn hóa các dân tộc thiểu số ở An Giang thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
3	Triển khai Đề án phát triển nuôi trồng hải sản trên biển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Thủ tướng Chính phủ ban hành sẽ triển khai

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
				(giai đoạn 2026 - 2030)
VIII. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống người dân, phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc				
1	Quy hoạch di tích quốc gia đặc biệt trại giam Phú Quốc, tỉnh An Giang	Sở Văn hóa, Thể thao; Sở Du lịch	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Trình Thủ tướng Chính phủ năm 2026
2	Lập một số hồ sơ di tích lịch sử văn hóa tại huyện Kiên Hải, Phú Quốc	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành (Thời hạn: 2026 - 2030)
3	Lập hồ sơ khoa học cho các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
4	Dự án đầu tư trùng tu, tôn tạo, nâng cấp di tích Đình thần Nam Hải Đại Tướng quân và mở rộng quy mô tổ chức lễ hội Nghinh Ông huyện Kiên Hải	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành năm 2026
5	Đề án nâng cấp và mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội vía Bà Chúa Xứ Hòn Ngang	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành (Thời hạn: 2026 - 2030)
6	Đề án nâng cấp và mở rộng quy mô tổ chức Lễ hội Nghinh Ông khu phố 9 thị trấn Dương Đông; Lễ hội vía bà Thủy Long Thánh Mẫu thị trấn Dương	Sở Văn hóa, Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Hoàn thành (Thời hạn: 2026 - 2030)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
	Đông; Lễ hội Đình thần Dương Đông; Lễ hội vía Bà Cửa Cạn			
7	Triển khai Đề án phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên các đảo và vùng ven biển; các chế độ, chính sách bảo đảm cho cán bộ y tế tình nguyện ra công tác trên các đảo và vùng bãi ngang ven biển	Sở Y tế	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
8	Triển khai Đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng dân cư biển và ven biển	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
9	Triển khai Đề án duy trì, phát triển các trung tâm văn hóa biển; bảo tồn không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
10	Triển khai Đề án hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn thu phát triển kinh tế biển để giải quyết an sinh xã hội tại vùng khó khăn ven biển và hải đảo	Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
11	Triển khai Đề án xây dựng và quản lý khu dân cư sinh thái ven biển	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
12	Triển khai Đề án bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa; phát triển và phục hồi các lễ hội	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các sở, ngành và UBND các xã,	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
	truyền thông của cộng đồng các dân tộc thiểu số ven biển Việt Nam góp phần đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển, ven biển		phường, đặc khu liên quan	
IX. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển, đảo; tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia				
1	Triển khai Đề án thúc đẩy hình thành khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế về phòng, chống, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	BCH Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; các sở, ngành, địa phương liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
2	Triển khai Đề án tăng cường tiềm lực khoa học, kỹ thuật cho lực lượng Công an nhân dân phục vụ Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Công an tỉnh	BCH Quân sự tỉnh; các sở, ngành, địa phương liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
3	Triển khai Đề án kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới trên biển, đảo	BCH Quân sự tỉnh	Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu ven biển; các sở, ngành liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
4	Triển khai Đề án quy hoạch các khu vực biển, đảo cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh	BCH Quân sự tỉnh	Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu ven biển; các sở, ngành liên quan	Khi Chính phủ ban hành sẽ triển khai
5	Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, liên hoàn, có trọng tâm, trọng điểm; triển khai các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn	BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Kế hoạch được phê duyệt (Thời hạn: 2026 - 2030)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/dánh giá & Thời hạn
	với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng với dân sinh, giữa lực lượng quân lý, bảo vệ, thực thi pháp luật với ngư dân với phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.			
6	Xây dựng lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển, đảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.	BCH Quân sự tỉnh	Các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Lực lượng quản lý, bảo vệ, thực thi pháp luật trên biển được kiện toàn, hiện đại hóa (Thời hạn: 2026 - 2030)
7	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo an ninh, an toàn trên biển, bảo vệ hiệu quả các công trình trọng yếu. Tăng cường năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó sự cố, an ninh hàng hải. Phát triển lực lượng dân quân biển, hải đội dân quân thường trực trở thành lực lượng nòng cốt, kiểu mẫu, làm chỗ dựa cho phát triển đội tàu cá hiện đại; hỗ trợ ngư dân bám biển dài ngày, bảo đảm hiện diện dân sự và thực hiện chủ quyền dân sự trên vùng biển của tỉnh.	BCH Quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Chương trình/kế hoạch được triển khai (Thời hạn: 2026 - 2030)
X. Tổ chức thực hiện				
1	Kiện toàn cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở	Sau khi Chính phủ kiện toàn

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/đánh giá & Thời hạn
	quản lý, điều phối các hoạt động trên biển.		Tư pháp; các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	cơ quan đầu mối
2	Triển khai hệ thống chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá phát triển quốc gia biển mạnh làm căn cứ đánh giá kết quả chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của các sở, ngành, địa phương và người đứng đầu.	Sở Tài chính	Các sở, ngành, địa phương ven biển	Tiêu chí đánh giá được ban hành và áp dụng (Thời hạn: 2026 - 2027)
3	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm vi phạm.	Thanh tra tỉnh; BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả xử lý vi phạm (Thời hạn: 2026 - 2030)
4	Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển tỉnh biển mạnh; đôn đốc khắc phục sau kiểm tra, thanh tra và gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm người đứng đầu.	Văn phòng UBND tỉnh; Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả xử lý vi phạm (Thời hạn: 2026 - 2030)
5	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện Nghị quyết.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu ven biển	Báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết được trình cấp có thẩm quyền (Thời hạn: 2026 - 2030)